

CÁC BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT TCT

-----//-----

BÁO CÁO

Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

1. Căn cứ pháp lý.

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

- Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát PV Power năm 2023 được Đại hội Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023.

- Quy chế quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và kiểm tra, giám sát của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 8346/QĐ-DKVN ngày 14/12/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn DKVN.

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

- Nghị quyết số 7784/NQ-DKVN ngày 30/12/2022 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận kế hoạch hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2023 của TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

- Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định “Báo cáo Tình hình kinh doanh năm 2023” của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, kết quả thẩm định cụ thể như sau:

2. Mục đích, phạm vi.

Trên cơ sở tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của TCT, căn cứ vào kế hoạch hoạt động SXKD được ĐHĐCĐ/PVN/ HĐQT phê duyệt, căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát thực hiện so

sánh, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ và các chỉ tiêu hoạt động mà TCT đã đạt được trong năm 2023.

3. Nội dung thẩm định.

Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của toàn TCT ĐLDKVN – CTCP và Công ty mẹ TCT ĐLDKVN đã được Hội đồng quản trị lập theo qui định tại điều 175 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của PV Power thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023. ĐHĐCĐ đã thông qua “Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 phù hợp với tình hình đặc thù trong năm 2023, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện theo quy định”.

Nội dung thẩm định cụ thể:

- Năm 2023 Tổng công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT:

+ Việc biến động lớn nhu cầu phụ tải theo mùa ngoài dự kiến đã gây áp lực đến công tác điều hành hệ thống điện và việc vận hành của các nhà máy điện: Ảnh hưởng của Elnino, thời tiết nắng nóng khô hạn trong 6 tháng đầu năm gây thiếu nguồn cung, các nhà máy nhiệt điện khí của Tổng công ty phải vận hành nhiên liệu dầu (trong tháng 4, tháng 5) theo huy động của A0 làm giảm hiệu quả và ảnh hưởng đến độ bền thiết bị, tăng khả năng sự cố các nhà máy điện. Trong khi đó tình hình mưa lũ và việc thừa nguồn cung điện từ tháng 8 ÷ tháng 11 làm giảm sâu giá điện thị trường toàn phần FMP (chỉ còn khoảng 845 đồng/kWh) thấp hơn giá chi phí biến đổi, làm ảnh hưởng đến khả năng được huy động, giảm sâu sản lượng vận hành của các nhà máy nhiệt điện của PV Power.

+ Hệ số α tính toán Qc hàng tháng của các nhà máy nhiệt điện giảm, thủy điện tăng gây khó khăn cho các nhà máy trong công tác chào giá vận hành trên thị trường. Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 được giao Qc thấp trong năm 2023; Tập trung vào tháng 9, tháng 10 được giao Qc cao (tổng 507 triệu kWh), tuy nhiên không được cấp đủ khí làm giảm Qc được chấp thuận thanh toán (chỉ còn 386 triệu kWh).

+ Nhà máy thủy điện Đakđrinh bị A0 hạn chế vận hành trong tháng 5, 6 đến tháng 11.

+ Sự lệch pha giữa nhu cầu điện và khả năng cấp khí, cùng với tần suất sự cố xảy ra nhiều (từ đầu năm đã xảy ra 23 lần sự cố) tại các giàn cấp khí khu vực Tây Nam Bộ ảnh hưởng lớn đến khả năng vận hành của Nhà máy điện Cà Mau 1&2. Thêm vào đó, hệ thống đường ống cấp khí tại Cà Mau bị giới hạn về lưu lượng và áp suất nên rất khó vận hành với công suất tối đa 04 tổ máy.

+ Với việc thiếu nguồn than trong nước trong giai đoạn vừa qua và hiện nay, Nhà máy điện Vũng Áng 1 phải sử dụng 100% than cám 5a.10 phối trộn. Tuy nhiên nguồn cung than cám 5a.10 cũng đang không đủ cấp cho các Nhà máy điện than, hiện tại nhà máy điện đang thử nghiệm than cám 5a.14 có suất hao tăng, giá cao sẽ ảnh hưởng đến việc vận hành sản xuất, tham gia thị trường điện và hiệu quả của nhà máy. Sự cố Tổ máy số 01 của Nhà máy điện Vũng Áng 1 dự kiến khắc phục xong tháng 3/2023, tuy nhiên đến 12/8/2023 mới hoàn thành, gây ảnh hưởng đến vận hành của nhà máy.

+ Lạm phát tăng khiến tỷ giá ngoại tệ tăng cao trong giai đoạn vừa qua, đồng thời giá nguyên, vật liệu sản xuất tăng làm chi phí tài chính, và các chi phí khác tăng cao.

+ Khó khăn của EVN ảnh hưởng đến việc thanh toán, dòng tiền cho các nhà máy điện. Việc vận hành thị trường điện của A0/EVN bất thường trong năm 2023.

- Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được Tập đoàn chấp thuận và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, PV Power đã tập trung thực hiện tốt và cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được Tập đoàn giao. Năm 2023, Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao về các chỉ tiêu lợi nhuận. Chỉ tiêu sản lượng điện và doanh thu chưa hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

+ Tổng sản lượng điện thương mại toàn Tổng công ty năm 2023 đạt 14,442 tỷ kWh, bằng 93% kế hoạch năm.

+ Doanh thu của toàn Tổng công ty năm 2023 đạt 29.075 tỷ đồng, bằng 96% KH năm. Doanh thu Công ty mẹ năm 2023 đạt 21.863 tỷ đồng, bằng 98% KH năm 2023.

+ Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty năm 2023 đạt 1.442 tỷ đồng, bằng 113% KH năm 2023. LNTT Công ty mẹ năm 2023 đạt 1.295 tỷ đồng, bằng 119% KH năm 2023.

+ LNST toàn Tổng công ty năm 2023 đạt 1.283 tỷ đồng, bằng 115% KH năm 2023. LNST Công ty mẹ năm 2023 đạt 1.200 tỷ đồng, bằng 135% KH năm 2023.

- Tổng công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu được giao.

+ Tổng công ty đã áp dụng nhiều giải pháp về kỹ thuật, chào giá thị trường linh hoạt, có hiệu quả để đảm bảo việc vận hành các nhà máy điện an toàn, ổn định, liên tục theo điều độ của A0. Kết quả lợi nhuận Công ty Mẹ và Toàn Tổng công ty vượt kế hoạch được đại hội đồng cổ đông giao.

+ Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, cụ thể: đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2, đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, đại tu Tổ máy H2 Nhà máy điện Đăkđrinh, trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, trung tu Nhà máy điện Hòa Na, tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 1, tiểu tu Tổ H1 Nhà máy điện Đăkđrinh. Các nhà máy vận hành ổn định sau bảo dưỡng sửa chữa định kỳ.

+ Công tác đại tu kết hợp khắc phục sự cố Tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1 mặc dù hoàn thành chậm so với kế hoạch dự kiến, tuy nhiên đã giải quyết triệt để sự cố, và vận hành đảm bảo an toàn tới thời điểm hiện tại.

+ Tích cực triển khai dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4, phân đầu đảm bảo tiến độ trong năm 2023 và bù các phần tiến độ đã chậm của giai đoạn trước. Công tác thu xếp vốn đầu tư Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 đang đảm bảo cấp đủ vốn theo tiến độ thi công xây dựng.

- Một số nhiệm vụ tiếp tục thực hiện trong năm 2024:

+ Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Công ty CP thủy điện Đăkđrinh.

+ Hoàn thành ký kết Hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng mua bán khí (GSA) của NMD Nhơn Trạch 3&4.

+ Công tác thu hồi công nợ của EVN.

+ Công tác bảo hiểm, đền bù tổn thất sự cố tổ máy số 01 NMD Vũng Áng 1.

+ Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power.

BÁO CÁO

Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

- Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát PV Power năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023.

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về Quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2023, phương hướng hoạt động năm 2024.

Ban kiểm soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP đã thực hiện thẩm định “Báo cáo Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2023” của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP, kết quả thẩm định cụ thể như sau :

2. Nội dung thẩm định.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định trên cơ sở “Báo cáo của Hội đồng quản trị về Quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2023, phương hướng hoạt động năm 2024”, các nội dung cụ thể như sau:

2.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2023 Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo/quản lý/điều hành, kiểm tra/giám sát hoạt động của Ban điều hành/đơn vị/người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các kế hoạch, nghị quyết, quyết định quan trọng với các chương trình, giải pháp cụ thể và tập trung chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp (họp định kỳ theo quý/họp đột xuất) để đánh giá kết quả hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hoàn

thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua; xem xét thông qua các đề xuất và xử lý kiến nghị của Ban điều hành liên quan đến hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các thành viên Ban kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại các phiên họp của Hội đồng quản trị. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, năm 2023 Hội đồng quản trị đã ban hành 54 Nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị luôn hỗ trợ, phối hợp với Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Tổng công ty. Việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị về cơ bản được triển khai kịp thời, tuân thủ phân cấp của Tổng công ty và ý kiến/yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị.

- Theo quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã xây dựng chương trình công tác trọng tâm của năm 2023. Việc chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị đối với các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã bám sát nội dung chương trình công tác trọng tâm. Việc theo dõi, đánh giá thực hiện chương trình công tác được báo cáo Hội đồng quản trị theo từng nội dung nhiệm vụ cụ thể.

- Trong năm 2023, ngoài các công việc thường xuyên/định kỳ, Hội đồng quản trị luôn sát sao, kịp thời tổ chức các phiên thảo luận/làm việc khi có phát sinh vướng mắc, khó khăn để chỉ đạo, giải quyết kịp thời các nội dung quan trọng trong sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

+ Công tác vận hành, bảo dưỡng sửa chữa: Hội đồng quản trị đã phê duyệt Định mức kinh tế kỹ thuật năm 2023 cho NMD của Tổng công ty, đảm bảo vận hành tiết kiệm và hiệu quả; Tiếp tục chỉ đạo xây dựng Bộ định mức sửa chữa bảo dưỡng định kỳ NMD Vũng Áng 1, bộ định mức bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên NMD Nhơn Trạch 1. Công tác bảo dưỡng sửa chữa các NMD được thực hiện theo tiến độ, kế hoạch. Sau bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, các NMD của Tổng công ty vận hành an toàn, ổn định, đảm bảo độ khả dụng của các nhà máy. Đối với sự cố tổ máy số 1 NMD Vũng Áng 1, HĐQT đã tập trung chỉ đạo và giao Tổng giám đốc Tổng công ty chủ động xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đáp ứng mục tiêu cao nhất về chất lượng và tiến độ. Đến ngày 12/8/2023, tổ máy số 1 đã hoàn thành công tác khắc phục và đưa vào vận hành, đảm bảo độ khả dụng trên thị trường.

+ Công tác kế hoạch: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo rà soát, cập nhật Kế hoạch 5 năm 2021-2025 và Chiến lược định hướng đến năm 2035 của Tổng công ty cho phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng, đồng thời rà soát các nguồn lực thực hiện để Tổng công ty phát triển bền vững. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty, trình ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện, căn cứ theo đó, HĐQT đã quyết định kế hoạch SXKD năm 2023/bổ sung kế hoạch tại các đơn vị, cơ quan Tổng công ty, tăng cường vai trò, chức năng trong việc kiểm tra, giám sát ngay từ giai đoạn giao kế hoạch cho các đơn vị thành viên tới quá trình triển khai thực hiện. HĐQT đã chỉ đạo thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đã giao chỉ tiêu tiết kiệm chi phí SXKD năm 2023 đối với Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

+ Công tác tài chính: Năm 2023, Hội đồng quản trị đã (i) Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của PV Power và trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận; (ii) Thông qua các nội dung báo cáo bổ sung, giải trình với cấp có thẩm quyền về hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty; (iii) Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mở tài khoản tiền gửi thanh toán và hạn mức đầu tư tiền gửi của Công ty mẹ - Tổng công ty; Phê duyệt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn - Thông qua việc mở/duy trì hạn mức tín dụng tài trợ vốn lưu động luân chuyển của Công ty mẹ; (iv) Thông qua các nội dung: lựa chọn ngân hàng tài trợ dự án mua tòa nhà văn phòng làm việc và thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay tài trợ dự án mua tòa nhà làm văn phòng làm việc của Tổng công ty, các điều kiện vay vốn nước ngoài khoản vay SACE, chủ trương vay vốn trong nước (Vietcombank) tài trợ dự án NMD Nhơn Trạch 3& 4, chủ trương vay vốn bắc cầu từ nguồn vay thương mại nước ngoài để thực hiện dự án NMD Nhơn Trạch 3&4, Phương án tái cấu trúc khoản vay AIIB của PV Power DHC bằng đồng nội tệ; (v) Tổ chức nhiều phiên họp về các nội dung như phương án thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của Tổng công ty, phương án dòng tiền ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty... để có định hướng cho Ban điều hành tiếp tục triển khai thực hiện; (vi) Chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghiêm túc các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra, kiểm tra của các cấp có thẩm quyền.

+ Công tác thương mại: Hội đồng quản trị đã xử lý kịp thời các nội dung đối với công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm vật tư, hàng hóa, nhiên liệu, dịch vụ...phục vụ vận hành, BDSC các Nhà máy điện, các Hợp đồng mua bán điện; Trực tiếp cử thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực thương mại tham gia phối hợp xử lý các vấn đề vướng mắc trong quá trình đàm phán thu xếp nguồn nguyên

liệu khí cho các NMD. Thực hiện tăng phân cấp cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực mua sắm dùng nguồn vốn SXKD, đảm bảo sự chủ động để các Nhà máy điện thuộc PV Power có đủ vật tư hàng hóa, dịch vụ... thay thế trong quá trình BDSC, đủ nhiên liệu trong vận hành. Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản thông qua/phê duyệt và có ý kiến đối với các nội dung liên quan đến công tác thương mại theo đúng thẩm quyền: Nhiên liệu than, dầu cho các NMD Vũng Áng 1, Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1; Các hợp đồng mua bán khí (GSA) của NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 3&4; Hợp đồng mua bán điện (PPA) NMD Nhơn Trạch 3&4; Các nội dung liên quan đến công tác BDSC các NMD, hợp đồng bảo hiểm vận hành các NMD...;

+ Công tác đầu tư xây dựng và thực hiện các dự án: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch: HĐQT, Ban điều hành đã tổ chức nhiều phiên họp và giao ban hàng tháng về tình hình thực hiện dự án để có những chỉ đạo kịp thời. HĐQT đã (i) tham gia làm việc với chính quyền địa phương cũng như đơn vị quản lý khu công nghiệp để xử lý các vấn đề về giải phóng mặt bằng và ký Hợp đồng thuê đất với tỉnh Đồng Nai; Chủ động kiến nghị các Bộ/ngành và Tập đoàn hỗ trợ Tổng công ty xử lý các vấn đề còn vướng mắc về đất đai, không để ảnh hưởng đến tiến độ Dự án; (ii) Thông qua việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư theo quy định của Luật đầu tư; Phê duyệt bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án NMD Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; (iii) Chấp thuận thực hiện phương án đấu nối tạm cho NMD Nhơn Trạch 3; Xử lý các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPC giữa các bên,... Tiếp tục chỉ đạo thực hiện: Dự án đầu tư trụ sở làm việc của Tổng công ty theo đúng hợp đồng đã ký; dự án NMD LNG Quảng Ninh. Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết thông qua danh mục dự án/cơ hội đầu tư của Tổng công ty giai đoạn 2023-2035.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã xây dựng chương trình công tác trọng tâm của năm 2023 (Nghị quyết số 15/NQ- ĐLDK ngày 28/02/2023). Việc chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị đối với các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty bám sát nội dung chương trình công tác trọng tâm và đã đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác trọng tâm. Năm 2023, Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao về các chỉ tiêu lợi nhuận. Chỉ tiêu sản lượng điện và doanh thu chưa hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao. Một số nhiệm vụ công tác năm 2023 tiếp tục thực hiện trong năm 2024: (1) Chỉ đạo xây dựng, sớm phê duyệt và áp dụng Bộ định mức sửa chữa bảo dưỡng định kỳ NMD Vũng Áng 1, bộ định mức bảo dưỡng sửa chữa thường

xuyên NMD Nhơn Trạch 1, định mức vật tư tồn kho và định mức hao hụt than trong quá trình tiếp nhận, tồn trữ và sử dụng của NMD Vũng Áng 1; (2) Tiếp tục chỉ đạo và giám sát công tác tổ chức thực hiện đầu tư dự án NMD Nhơn Trạch 3 & 4 theo kế hoạch và tiến độ đề ra, chỉ đạo ký kết Hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng mua bán khí (GSA) (3) Công tác thu hồi công nợ của EVN/EPT; (4) Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Công ty CP thủy điện Đăkdrinh; (5) Công tác quyết toán cổ phần hóa.

2.2. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát tại các đơn vị, dự án của Tổng công ty:

- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã xây dựng chương trình công tác trọng tâm của năm 2023 (Nghị quyết số 15/NQ- ĐLĐK ngày 28/02/2023). Trong đó đã xây dựng kế hoạch giám sát tại các đơn vị/ dự án của Tổng công ty với thời gian thực hiện và bộ phận thực hiện cụ thể.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát trực tiếp tại các đơn vị/ dự án như kế hoạch tại Chương trình công tác trọng tâm. Trên cơ sở Biên bản làm việc và Báo cáo kết quả làm việc của đoàn công tác, Hội đồng quản trị đã có văn bản chỉ đạo Ban Điều hành/NĐDPV tại các đơn vị thực hiện nội dung kết luận của đoàn công tác.

- Các đơn vị chưa thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch Chương trình công tác trọng tâm năm 2023

+ Tại công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh: Chương trình giám sát công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh theo kế hoạch Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 được chuyển sang năm 2023 sau khi công tác sửa chữa, khắc phục sự cố tổ máy số 01 của NMD Vũng Áng 1 được hoàn thành. Theo kế hoạch tại Chương trình công tác trọng tâm năm 2023, Nội dung làm việc, giám sát tại công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh gồm công tác khắc phục, sửa chữa sự cố tổ máy số 01; công tác đại tu tổ máy số 01 NMD Vũng Áng 1; công tác xử lý tro xỉ; phương án giá điện/ công tác đàm phán giá điện NMD Vũng Áng 1 theo vốn đầu tư quyết toán. Thời gian kiểm tra, giám sát là vào quý II/2023. Tuy nhiên đến ngày 13/8/2023, công tác khắc phục sự cố tổ máy 1 mới hoàn thành, sau công tác khắc phục sự cố, nhà máy tập trung cho việc tập hợp hồ sơ, chứng từ để chuẩn bị cho công tác yêu cầu bồi thường bảo hiểm tài sản, gián đoạn kinh doanh và công tác quyết toán NMD Vũng Áng 1 chưa hoàn thành. Do vậy năm 2023, Hội đồng quản trị chưa thực hiện được công tác kiểm tra giám sát tại công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh. Theo kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện giám

sát công tác thương mại tại Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh trong quý 3 năm 2024.

+ Tại Văn phòng cơ quan Tổng công ty: Theo kế hoạch, quý 3 năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tổ chức làm việc, giám sát tại Văn phòng cơ quan TCT các nội dung : (1) Công tác mua sắm, các chi phí phục vụ hoạt động của cơ quan TCT; (2) Công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu BDSC dài hạn khối thiết bị chính NMD Cà Mau 1 &2 giai đoạn sau 100.00 EOH; (3) Công tác thu xếp nguồn khí bổ sung cho NMD Cà Mau 1&2 giai đoạn từ năm 2026; (4) Công tác đàm phán cung cấp khí cho NMD Nhơn Trạch 1 để làm cơ sở đàm phán QC; (5) Công tác quản lý hàng tồn kho và mua sắm vật tư tại các NMD của TCT. Tuy nhiên trong năm 2023, các đoàn kiểm tra, giám sát của Nhà nước và PVN đã thực hiện kiểm tra, giám sát tại PV Power trong đó có các nội dung trùng với nội dung dự kiến giám sát của Hội đồng quản trị. Do vậy Chương trình giám sát Văn phòng cơ quan Tổng công ty theo kế hoạch Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 được chuyển sang thực hiện trong quý 2 năm 2024

3. Kiến nghị

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau :

- Tiếp tục làm việc với EVN về tỷ lệ phân bổ khí cho các hộ tiêu thụ tại Cà Mau nhằm giảm thiểu phần chênh lệch giá khí chưa được EVN/EPTC chấp thuận thanh toán.

- Phê duyệt và áp dụng định mức BDSC định kỳ các NMD, xây dựng định mức tồn kho và định mức hao hụt than của NMD Vũng Áng 1 nhằm phục vụ cho công tác mua sắm vật tư, tránh tình trạng ứ đọng vốn và chi phí bảo quản vật tư tồn trữ.

- Chỉ đạo đàm phán và ký kết Hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng mua bán khí (GSA) của dự án NMD Nhơn Trạch 3&4.

- Chỉ đạo hoàn thành việc quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của NM thủy điện Đăkđrinh.

BÁO CÁO
Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023
của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

1. Căn cứ pháp lý.

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Quy chế Quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và kiểm tra, giám sát của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 8346/QĐ-DKVN ngày 14/12/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn DKVN.
- Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Kiểm soát viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 8666/QĐ-DKVN ngày 27/12/2023.

2. Cơ sở thẩm định.

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP do Deloitte phát hành theo thư kiểm toán số 0643/VN1A-HN-BC ngày 26/3/2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP do Deloitte phát hành theo thư kiểm toán số 0644/VN1A-HN-BC ngày 26/3/2024.

3. Nội dung thực hiện.

- Rà soát việc trình bày các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập ngày 31/12/2023 đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Đánh giá việc lựa chọn, áp dụng các chính sách kế toán chủ yếu, tính phù hợp, nhất quán trong việc áp dụng các chính sách và tính hợp lý của các ước tính của Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.
- Xem xét, trao đổi với kiểm toán viên độc lập về những nội dung ngoại trừ, hoặc trọng yếu khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.

4. Giới hạn phạm vi thực hiện.

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài

chính hợp nhất. Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định trên cơ sở số liệu, báo cáo do Ban Tài chính Kế toán của Tổng công ty lập, cung cấp và không thực hiện xem xét hồ sơ, chứng từ kế toán chi tiết hình thành số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên, các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

5. Kết quả thẩm định.

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo đúng các quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị được chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 3 năm liên tiếp từ năm 2021 đến năm 2023 của Tổng công ty.

- Trong năm 2023, PV Power đã thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện chế độ quản lý sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, chế độ tài chính, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; Mua bảo hiểm đầy đủ cho các tài sản thuộc sở hữu của PV Power theo quy định; Trích lập các khoản dự phòng bao gồm trích trước chi phí bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các NMD, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

- Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ PV Power sau kiểm toán tại thời điểm 31/12/2023 không có ngoại trừ, kiểm toán độc lập chỉ nêu 01 vấn đề nhấn mạnh về việc tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2023 các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản Công ty mẹ PV Power

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2023	Đánh giá
I	Cơ cấu tài sản				
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	58,51%	61,12%	Tăng
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	41,49%	38,88%	Giảm
II	Cơ cấu nguồn vốn				
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	39,53%	50,99%	Tăng
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	60,47%	49,01%	Giảm
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,65	1,04	Tăng
III	Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán				
1	Hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát	Lần	2,53	1,96	Giảm
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,03	Giảm
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,16	0,95	Giảm
V	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		31/12/2022	31/12/2023	
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	5,5%	5,83%	Tăng
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,2%	2,28%	Tăng
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	3,524%	4,22%	Tăng

❖ **Tổng doanh thu:** Tổng doanh thu Công ty mẹ - PV Power trong năm 2023 đạt 21.862,75 tỷ đồng (bao gồm doanh thu từ HĐ SXKD chính đạt 20.583,87 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 1.119,55 tỷ đồng và thu nhập khác đạt 159,34 tỷ đồng), tăng 3.625,91 tỷ đồng, tương đương với tăng 19,88% so với cùng kỳ năm 2022.

Doanh thu Công ty mẹ tăng do (i) Giá bán điện tăng do giá vốn tăng và sản lượng điện sản lượng điện tại các nhà máy Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1 tăng do nhu cầu phụ tải hệ thống tăng và việc thường xuyên theo dõi diễn biến, phân tích, đánh giá thị trường để chào giá hợp lý đã giúp tăng sản lượng điện phát; (ii) Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 là 1.119,54 tỷ đồng, tăng 432 tỷ đồng so với năm 2022, trong đó tăng chủ yếu là các khoản: cổ tức được chia là 779,43 tỷ đồng (tăng 422,56 tỷ đồng so với năm 2022), lãi tiền gửi là 317,09 tỷ đồng (tăng 38,15 tỷ đồng so với năm 2022) và giảm ở chênh lệch tỷ giá và chuyển nhượng vốn; (iii)

Thu nhập khác tăng 100,65 tỷ đồng so với năm 2022 do có khoản thu nhập từ nhượng bán các vật tư MXL thu hồi sau sửa chữa thuộc đường khí nóng các tổ máy tuabin G11/G12 NMT Nhơn Trạch 1 trong kỳ đại tu lần 2 năm 2017 với số tiền 122,84 tỷ đồng, khoản thu nhập này có nguồn gốc trong giai đoạn TCT chưa chuyển sang CTCP. Tuy nhiên doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ năm 2023 cũng bị ảnh hưởng bởi việc hạn chế huy động NMT Nhơn Trạch 1, Qc phân bổ cho NMT Nhơn Trạch 1 trong năm 2023 rất thấp (ở mức 741 tr.kWh, trong đó tập trung chủ yếu vào tháng 9, 10 còn các tháng còn lại rất ít).

❖ **Tổng chi phí:** Tổng các khoản chi phí của Công ty mẹ năm 2023 đạt 20.567,6 tỷ đồng, tăng 3.440,77 tỷ đồng tương đương tăng 20,09% so với năm 2022. Trong đó: giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 là 19.120,6 tỷ đồng, tăng 2.934,97 tỷ đồng tương đương tăng 18,13% so với năm 2022; Chi phí tài chính năm 2023 là 370,16 tỷ đồng, tăng 59,65 tỷ đồng tương đương tăng 19,21% so với năm 2022; Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 là 1.070,93 tỷ đồng, tăng 447,11 tỷ đồng tương đương tăng 71,67% so với năm 2022; Chi phí khác là 5,91 tỷ đồng, giảm 0,96 tỷ đồng so với năm 2022.

Chi phí Công ty mẹ tăng do: (i) Giá vốn tăng do sản lượng điện tăng cộng thêm chi phí nguyên nhiên vật liệu tăng cao so với năm 2022. Tại NMT Vũng Áng 1, chi phí nhiên liệu than năm 2023 bằng 125% so với năm 2022, chi phí điện mua ngoài năm 2023 bằng 139% so với năm 2022, chi phí xử lý tro xỉ năm 2023 cao hơn 392% so với năm 2022; (ii) Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 tăng nhiều do tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi 435,59 tỷ đồng. (iii) Tăng chi phí tài chính do chi phí lãi vay tăng 88,13 tỷ đồng so với năm 2022.

❖ **Tổng lợi nhuận :** Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ trong năm 2023 đạt 1.295,15 tỷ đồng, tăng 185,15 tỷ đồng, tương đương tăng 16,68% so với cùng kỳ 2022; Tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ trong năm 2023 đạt 1.200,09 tỷ đồng, tăng 232,13 tỷ đồng, tương đương với tăng 23,98% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ tăng so với năm 2022 do những biến động tăng của doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, doanh thu tài chính cao hơn biến động tăng của chi phí như đã phân tích ở trên.

❖ **Cơ cấu tài sản Công ty mẹ:** Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2023 là 59.107,89 tỷ đồng, tăng 13.001,09 tỷ đồng, tương đương tăng 28,2% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó, tài sản dài hạn chiếm 61,12% trong tổng tài sản, tăng 2,61% so với thời điểm 31/12/2022; tương ứng tài sản ngắn hạn chiếm 38,88%

trong tổng tài sản, giảm 2,61% so với thời điểm 31/12/2022. Tổng tài sản tăng chủ yếu ở các khoản mục: Các khoản phải thu ngắn hạn (tăng 2.223,08 tỷ đồng); tài sản dở dang dài hạn (tăng 8.088,85 tỷ đồng); tài sản dài hạn khác (tăng 2.552,84 tỷ đồng); tài sản ngắn hạn khác (tăng 997,97 tỷ đồng); Tiền và các khoản tương đương tiền (tăng 668,69 tỷ đồng) và giảm chủ yếu ở các khoản mục: tài sản cố định (giảm 1.583,53 tỷ đồng do khấu hao), đầu tư tài chính ngắn hạn (giảm 165,02 tỷ đồng).

- Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2023 là 8.193,08 tỷ đồng, tăng 668,69 tỷ đồng, tương đương tăng 8,89% so với thời điểm 31/12/2022. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 74,88 tỷ đồng, giảm 165,02 tỷ đồng, tương đương giảm 68,79% so với thời điểm 31/12/2022. Nguyên nhân do giảm nghĩa vụ bảo lãnh bằng tiền gửi đối với các công ty con.

- Nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 11.467,27 tỷ đồng, tăng 2.223,08 tỷ đồng, tương đương tăng 24,05% so với thời điểm 31/12/2022. Nợ phải thu khách hàng là 9.711,12 tỷ đồng, trong đó khoản phải thu lớn nhất là 9.634,57 tỷ đồng phải thu tiền điện Công ty mua bán điện EPTC/EVN, tăng 3.218,7 tỷ đồng, tương đương tăng 50,16 % so với tại thời điểm 31/12/2022. Trong năm 2023 việc thu tiền điện của EVN/EPTC vẫn tiếp tục chậm trễ. Nợ phải thu quá hạn là 600,93 tỷ đồng chiếm 5,2% trên tổng công nợ phải thu, trong đó công nợ quá hạn của EPTC/EVN là 571,97 tỷ đồng chiếm 95,18% công nợ quá hạn, giá trị trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn của EVN/EPTC là 457,06 tỷ đồng. Các khoản nợ xấu phải trích lập dự phòng của EPTC/EVN bao gồm: các khoản tiền điện trả chậm tháng 8,12/2022, tháng 1,2,3,5/2023; khoản giữ lại do chênh lệch giá than đường bộ và đường biển mua của Đanka; khoản phải thu tiền điện cấu thành từ chi phí O&M của Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 trong 6 tháng đầu năm 2021 là khoảng 381,68 tỷ VND, tuy nhiên điều khoản về doanh thu phí O&M của hợp đồng PPA đã hết hạn vào 31/12/2020 mà chưa có Phụ lục hợp đồng mới bổ sung, chưa xuất hóa đơn VAT cho khoản doanh thu này nhưng đã ghi nhận doanh thu từ năm 2021, đến 31/12/2023 PVPower đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% cho khoản phải thu này. Đối với khoản phải thu EVN/EPTC khoảng 130 tỷ liên quan đến khoản chênh lệch đơn giá cước vận chuyển khí của NMT Nhơn Trạch 1 do EPTC-EVN chỉ chấp nhận thanh toán cho PVPower tiền điện với đơn giá cước vận chuyển Phú Mỹ-HCM là 0,396 USD/MM.BTU trong khi PVPower mua khí từ PVGas với đơn giá 0,53USD/MM.BTU, tuy nhiên khoản

phải thu này không trích lập dự phòng do PVPower cũng đang giữ lại chưa thanh toán cho PVGas khoản tiền khí tương ứng là khoảng 126,3 tỷ đồng.

- Tài sản ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2023 là 1.386,65 tỷ đồng, tăng 997,97 tỷ đồng tương đương tăng 2,5 lần so với thời điểm 31/12/2022. Nguyên nhân do giá trị thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ chưa được hoàn đến 31/12/2023 là 1.318,57 tỷ đồng.

- Tài sản dở dang dài hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 8.991,99 tỷ đồng, tăng 8.088,85 tỷ đồng, tương đương tăng gấp 9 lần so với tại thời điểm 31/12/2022, phản ánh chi phí đầu tư xây dựng công trình dự án NMD Nhơn Trạch 3&4 (8.096,11 tỷ đồng), chi phí đầu tư trụ sở làm việc của PVPower (494,22 tỷ đồng), đại tu NMD Cà Mau 2 (356,92 tỷ đồng)... Công tác sửa chữa đại tu NMD Cà Mau 2 đã kết thúc vào ngày 02/9/2023 tuy nhiên đến 31/12/2023, PVPower chưa thực hiện quyết toán chi phí bảo dưỡng sửa chữa. Trong năm 2023, PVPower đã làm việc với Công ty TNHH PT Sole (PTS) và đã xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Luang Prabang Power để thu hồi chi phí của PVPower đã thực hiện tại dự án thủy điện Luang Prabang (131,56 tỷ đồng).

- Tài sản dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2023 là 3.330,66 tỷ đồng, tăng 2.552,84 tỷ đồng, tương đương tăng 3,2 lần so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó chiếm phần lớn là chi phí trả trước dài hạn 2.633,4 tỷ đồng, tăng 2.536,63 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022, phản ánh khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành NMD Cà Mau 1&2 trả trước theo nghĩa vụ bao tiêu khí theo Hợp đồng mua bán khí ký với PVN ngày 07/8/2023. Trong năm 2021, do sản lượng điện phát của NMD Cà Mau 1&2 không đủ đảm bảo nhận lượng khí tối thiểu theo quy định tại Hợp đồng, PVPower vẫn phải trả cho PVN số tiền tương ứng với lượng khí nhận thiếu theo nghĩa vụ bao tiêu khí và sẽ có quyền nhận lại khí trả trước trong vòng 05 năm kể từ năm 2021. Ban TGD PVPower đánh giá công ty sẽ sử dụng được toàn bộ lượng khí trả trước nói trên vào quá trình sản xuất điện trong thời gian quy định.

- Đầu tư tài chính dài hạn: Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn tại 31/12/2023 là 5.818,24 tỷ đồng, tăng 94,26 tỷ đồng so với 31/12/2022 do góp vốn vào CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh (30 tỷ đồng) và góp tăng VDL tại PVPower REC (64,26 tỷ đồng) theo Nghị quyết của HĐQT. Trong đó, đầu tư vào các công ty con là 5.058,74 tỷ đồng, các công ty liên doanh liên kết là 365,18 tỷ đồng, đầu tư dài hạn khác là 394,32 tỷ đồng. Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 40,6 tỷ đồng, trong đó trích lập: PV Power REC là 14,98 tỷ đồng (trích tăng 1,94 tỷ đồng

so với 31/12/2022), CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh 837,3 triệu đồng; Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí là 18,2 tỷ đồng, Công ty CP Cơ điện Dầu khí 260,2 triệu đồng, Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3 là 6,3 tỷ đồng. Trong năm 2023, Công ty mẹ - PV Power đã nhận được tiền cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đầu tư tài chính là 779,43 tỷ đồng, tương đương 13,4% tổng giá trị đầu tư góp vốn, từ các khoản đầu tư vào Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Công ty CP Thủy điện Hòa Na, công ty cổ phần EVN quốc tế, Công ty CP Thủy điện Việt Lào, Công ty CP Thủy điện Sông Hồng.

❖ **Cơ cấu nguồn vốn:** Cơ cấu nguồn vốn biến động theo chiều hướng gia tăng mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính. Tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn tăng từ 39,53% (31/12/2022) lên 50,99% (31/12/2023). Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn giảm từ 60,47% (31/12/2022) xuống còn 49,01% (31/12/2023). Nợ phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 30.136,86 tỷ đồng, tăng 11.910,6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022, nợ ngắn hạn chiếm 73,73% tổng giá trị nợ phải trả, nợ dài hạn chỉ chiếm 26,27% tổng nợ phải trả. Trong đó, nợ phải trả người bán là 14.221,23 tỷ đồng, nợ phải trả các tổ chức tín dụng là 9.642,17 tỷ đồng.

- Nợ ngắn hạn tại 31/12/2023 là 22.220,41 tỷ đồng, tăng 7.240,72 tỷ đồng tương đương tăng 48,34% so với thời điểm 31/12/2022, bao gồm một số khoản mục lớn như:

+ Khoản phải trả người bán ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2023 là 14.221,23 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm ngoái 7.640,73 tỷ đồng tương đương tăng 116%, trong đó khoản phải trả lớn nhất là tiền khí và than là 12.212,25 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả tiền khí nhà máy điện Nhơn Trạch 1 phải trả PVGas là 993,92 tỷ đồng, tiền khí nhà máy điện Cà Mau 1&2 còn phải trả PVN là 10.956,2 tỷ đồng, tiền than nhà máy điện Vũng Áng 1 phải trả TKV là 262,13 tỷ đồng. Các khoản nợ này phát sinh do tiền than chưa đến hạn thanh toán, các khoản công nợ tiền điện tương ứng với tiền khí phải trả chưa được EPTC/EVN thanh toán đúng hạn trong đó có một phần tiền điện PVPower không được EVN chấp nhận thanh toán do EVN không đồng ý thực hiện nguyên tắc phân bổ khí do HĐTV PVN ban hành. Hiện nay PVPower và PVN đang tích cực xử lý vấn đề này. Khoản phải trả lớn tiếp theo là phải trả Tổng thầu HĐ EPC dự án NMT Nhơn Trạch 3&4 là 1.457,62 tỷ đồng (trong đó phải trả Lilama 728,49 tỷ đồng, SamsungC&T 729,13 tỷ đồng), các khoản thanh toán với các nhà thầu HĐ EPC được thực hiện theo quy định của HĐ EPC.

+ Phải trả ngắn hạn khác đến thời điểm 31/12/2023 là 2.669,19 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước 52,55 tỷ đồng chủ yếu do ghi nhận tăng khoản phải trả PVN từ 2.242,59 tỷ đồng lên 2.292,9 tỷ đồng, đây vẫn là khoản phải trả ngắn hạn khác lớn nhất của PVPower bao gồm: 1.214,42 tỷ đồng lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018, khoản chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng PPA NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2016, 2017 với giá trị 1.028,17 tỷ đồng và 50,31 tỷ đồng thu hồi được từ thanh lý vật tư MXL thu hồi sau sửa chữa thuộc đường khí nóng các tổ máy tuabin G11/G12 NMNĐ Nhơn Trạch 1 trong kỳ đại tu lần 2 năm 2017 không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã trừ đi các khoản chi phí thanh lý. Khoản phải trả khác lớn thứ hai là khoản phải trả PVI tạm ứng bồi thường các tổn thất về gián đoạn kinh doanh và tổn thất vật chất cho sự cố Tổ máy số 1 thuộc nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Theo Thư chấp nhận tạm ứng bồi thường, PVI đồng ý tạm ứng cho PVPower số tiền là 15 triệu USD (không bao gồm thuế giá trị gia tăng). Tính đến 31/12/2023, PVI đã thanh toán cho Tổng Công ty số tiền là khoảng 11,7 triệu USD, tương ứng với 279,98 tỷ đồng. PVI đang làm việc với Tổng Công ty, các Công ty tái bảo hiểm, Công ty giám định độc lập và các bên liên quan để xác định phạm vi và số tiền bảo hiểm (nếu có) và số tiền bảo hiểm cuối cùng sẽ tùy thuộc vào kết quả thống nhất giữa các bên. Do chưa có kết quả thống nhất, PVPower ghi nhận khoản tiền PVI đã thanh toán là một khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính.

- Nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 7.916,46 tỷ đồng, tăng 4.669,88 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022 do do tăng nợ vay dài hạn và tăng dự phòng phải trả.

+ Nợ vay các TCTD dài hạn đến 31/12/2023 là 5.634,92 tỷ đồng, tăng 4.239,56 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022. PVPower tăng vay dài hạn để đầu tư các dự án NMNĐ Nhơn Trạch 3&4, đầu tư Trụ sở làm việc của Tổng công ty. Đối với khoản vay 4.000 tỷ VNĐ tại Vietcombank để đầu tư dự án Nhơn Trạch 3&4, giá trị giải ngân đến ngày 31/12/2023 là 1.854,82 tỷ VNĐ, PVPower đã đảm bảo bằng các tài sản: QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất, toàn bộ máy móc thiết bị, toàn bộ quyền phát sinh từ HĐ PPA của NMNĐ Cà Mau 1&2, cổ phiếu tại CTCP ĐLDK Nhơn Trạch 2. Đối với khoản vay 640 tỷ của PVComBank để mua trụ sở TCT, giá trị giải ngân đến 31/12/2023 là 355,74 tỷ VNĐ, PVPower sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là Tòa nhà văn phòng DLC để đảm bảo cho khoản vay.

+ Dự phòng phải trả dài hạn đến thời điểm 31/12/2023 là 2.881,73 tỷ đồng, tăng 492,91 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022, phản ánh số dư trích trước chi phí sửa chữa SCBD định kỳ các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Vũng Áng 1. Trong năm 2023, PVPower đã trích bổ sung 1.189,17 tỷ đồng chi phí SCBD định kỳ các NMD bao gồm: trích 645,23 tỷ đồng cho NMD Cà Mau 1, trong đó 480,2 tỷ đồng trích cho xử lý máy phát GT2, GT3; trích 99,38 tỷ đồng cho NMD Cà Mau 2; trích 64,08 tỷ đồng cho NMD Nhơn Trạch 1 và 237,42 tỷ đồng cho NMD Vũng Áng 1. Việc trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng định kỳ cho các NMD, cho xử lý máy phát GT2, GT3 NMD Cà Mau 1 cần đảm bảo đầy đủ căn cứ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Công tác sửa chữa đại tu NMD Cà Mau 2 đã kết thúc vào ngày 02/9/2023 tuy nhiên đến 31/12/2023, PVPower chưa hoàn thành quyết toán chi phí bảo dưỡng sửa chữa. Số dư trích trước chi phí SCBD định kỳ NMD Nhơn Trạch 1 đến 31/12/2023 là 987,6 tỷ đồng tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kế hoạch đại tu NMD Nhơn Trạch 1.

❖ **Hệ số bảo toàn vốn:** tại 31/12/2023 là 1,04 lần. (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2023 là 28.971,03 tỷ đồng/ Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2022 là 27.880,54 tỷ đồng).

❖ **Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:** thời điểm 31/12/2023 là 1,04 lần > 1, cho thấy công ty đang hoạt động dựa vào vốn vay nhiều hơn VCSH, tài sản của công ty chủ yếu là do các khoản nợ vay vốn bên ngoài tài trợ đi kèm với áp lực trả nợ ở những năm sau sẽ cao. Tuy nhiên hệ số nợ vẫn đang < 3, vẫn ở ngưỡng an toàn và do Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nên tỷ lệ này phù hợp với giai đoạn phát triển của Tổng công ty.

❖ **Hệ số thanh toán:** Tại thời điểm 31/12/2023, các hệ số về khả năng thanh toán của PVPower đều giảm so với thời điểm 31/12/2022. Tuy nhiên khả năng thanh toán nợ tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả) là 1,96 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,03 lần, đều >1 cho thấy công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, Hệ số thanh toán nhanh là 0,95 > 0,5 phản ánh công ty có khả năng thanh toán tốt, tính thanh khoản của các tài sản ngắn hạn vẫn ở mức tương đối cao.

❖ **Các tỷ suất lợi nhuận:**

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS): 5,83% nghĩa là 100 đồng doanh thu sẽ mang lại 5,83 đồng lợi nhuận sau thuế;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 4,22% nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra 4,22 đồng lợi nhuận sau thuế;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 2,28% nghĩa là 100 đồng tài sản của công ty sẽ tạo ra 2,28 đồng lợi nhuận sau thuế.

Các chỉ số này đều tăng so với cùng kỳ 2022 do các chỉ tiêu doanh thu, Tổng tài sản, VCSH, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2023 đều tăng so với năm 2022.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC hợp nhất Tổng công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2023	Đánh giá
I	Cơ cấu tài sản				
1	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	56,15%	58,72%	Tăng
2	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	43,85%	41,28%	Giảm
II	Cơ cấu nguồn vốn				
1	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	41,45%	51,51%	Tăng
2	Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	%	58,55%	48,49%	Giảm
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,71	1,06	Tăng
III	Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán				
1	Hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát	Lần	2,41	1,94	Giảm
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,36	1,08	Giảm
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,34	1,00	Giảm
V	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		31/12/2022	31/12/2023	
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	9,0%	4,53%	Giảm
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,6%	2,02%	Giảm
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,9%	3,81%	Giảm

❖ **Tổng doanh thu:** Tổng doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 29.075,03 tỷ đồng (trong đó: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 28.329,36 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 543,58 tỷ đồng, lãi trong công ty liên kết 40,13 tỷ đồng và thu nhập khác đạt 162,09 tỷ đồng), tăng 285,45 tỷ đồng, tương

đương tăng 1% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân doanh thu Công ty mẹ tăng khá tốt nhưng doanh thu hợp nhất tăng không đáng kể là do trong năm 2023, một số NMD của Tổng công ty bị sụt giảm sản lượng dẫn đến giảm doanh thu so với năm 2022, cụ thể như NM thủy điện Hòa Na, Đakđrinh do lưu lượng nước về hồ thấp, NMD Nhơn Trạch 2 do huy động thấp và thực hiện công tác đại tu từ 7/9/2023-1/11/2023.

❖ **Tổng lợi nhuận:** Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2023 đạt 1.442,07 tỷ đồng, giảm 1.367,17 tỷ đồng, tương đương với giảm 48,67% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2023 đạt 1.282,94 tỷ đồng, giảm 1.269,99 tỷ đồng, tương đương giảm 49,75% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân lợi nhuận hợp nhất giảm là do trong khi doanh thu hợp nhất tăng không đáng kể thì giá vốn tăng nhiều (giá vốn năm 2023 tăng 1.127,09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu là do giá vốn Công ty mẹ tăng, còn giá vốn PVPower NT2, HHC, DHC đều giảm), chi phí tài chính tăng 23,3% (chủ yếu là tăng chi phí lãi vay) và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 46,16% so với cùng kỳ năm 2022 (do tăng khoản dự phòng năm 2023 so với năm 2022).

❖ **Cơ cấu tài sản:** Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 là 70.362,09 tỷ đồng, tăng 13.518,84 tỷ đồng, tương đương tăng 23,78% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó, tài sản dài hạn là 41.320,13 tỷ đồng, chiếm 58,72% trong tổng tài sản, tăng 2,57% so với thời điểm 31/12/2022; tài sản ngắn hạn là 29.041,95 tỷ đồng, chiếm 41,28% trong tổng tài sản, giảm 2,57% so với thời điểm 31/12/2022. Tổng tài sản hợp nhất tăng chủ yếu ở các khoản mục: Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (tăng 2.942,84 tỷ đồng); Đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng 741,05 tỷ đồng); Tài sản dở dang dài hạn (tăng 8.096,33 tỷ đồng), tài sản dài hạn khác (tăng 3.977,16 tỷ đồng); giảm chủ yếu ở các khoản mục: tài sản cố định (giảm 2.753,48 tỷ đồng do trích khấu hao), Trả trước cho người bán (giảm 800,45 tỷ đồng).

- Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (BCTC Hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2023 là 12.710,47 tỷ đồng, chiếm 18,06% tổng tài sản, tăng 2.942,84 tỷ đồng, tương đương với tăng 30,13% so với thời điểm 31/12/2022. Riêng công nợ phải thu đối với EVN/EPTC tại 31/12/2023 là 12.612,17 tỷ đồng, tương đương 99% tổng nợ phải thu khách hàng, tăng 2.911,58 tỷ đồng so với tại thời điểm 31/12/2022. Tổng nợ phải thu quá hạn là 688,47 tỷ đồng, chiếm 5% trên tổng công nợ phải thu khách hàng, tăng 538,37 tỷ đồng so với nợ xấu tại thời điểm

31/12/2022. Các khoản nợ phải thu quá hạn đều đã được đơn vị trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị trích lập đến 31/12/2023 là 516,98 tỷ đồng.

- Trả trước cho người bán tại thời điểm 31/12/2023 đạt 1.274,05 tỷ đồng, giảm 800,45 tỷ đồng so với 31/12/2022 chủ yếu do Tổng công ty thực hiện phản ánh vốn tạm ứng hợp đồng EPC của dự án NMD Nhơn Trạch 3&4 được thu hồi qua các lần thanh toán cho các nhà thầu Samsung C&T và Lilama Việt Nam. Tài sản dở dang dài hạn cũng tăng chủ yếu do ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án đầu tư xây dựng NMD Nhơn Trạch 3&4 trong kỳ.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2023 là 2.390,86 tỷ đồng, tăng tăng 741,05 tỷ đồng, tương ứng tăng 44,92% so với thời điểm 31/12/2022. Đây là các khoản tiền gửi tại các NHTM với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, trong đó có 239,9 tỷ đồng có tính thanh khoản không cao do gửi có kỳ hạn tại Techcombank để bảo lãnh cho khoản vay dài hạn và phát hành trái phiếu doanh nghiệp của CTCP Thủy điện Hòa Na.

- Tài sản dài hạn khác (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2023 là 4.926,5 tỷ đồng, tăng 3.977,16 tỷ đồng, tương đương tăng 5 lần so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, chiếm phần lớn là chi phí trả trước dài hạn 4.223,72 tỷ đồng, tăng 3.961,67 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022, phản ánh khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành NMD Cà Mau 1&2 (2.463,27 tỷ đồng), Nhơn Trạch 2 (1.039,51 tỷ đồng) trả trước theo nghĩa vụ bảo tiêu khí của Hợp đồng mua bán khí ký với PVN và PVGas. Do sản lượng điện phát của NMD Cà Mau 1&2 năm 2021 và Nhơn Trạch 2 năm 2023 không đủ đảm bảo nhận lượng khí tối thiểu theo quy định tại Hợp đồng, PVPower vẫn phải trả cho PVN và PVGas số tiền tương ứng với lượng khí nhận thiếu theo nghĩa vụ bảo tiêu khí và sẽ có quyền nhận lại khí trả trước trong vòng 05 năm kể từ năm 2021 đối với NMD Cà Mau 1&2 và 04 năm kể từ năm 2024 đối với NMD Nhơn Trạch 2. Ban TGD PVPower đánh giá công ty sẽ sử dụng được toàn bộ lượng khí trả trước nói trên vào quá trình sản xuất điện trong thời gian quy định.

❖ **Cơ cấu nguồn vốn:** Tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn tăng từ 41,45% (31/12/2022) lên 51,51% (31/12/2023), tương ứng tỷ lệ Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn giảm từ 58,55% (31/12/2022) xuống 48,49% (31/12/2023). Nguyên nhân do Nợ phải trả tăng 12.680,87 tỷ đồng, tương đương tăng 53,82% và Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 837,98 tỷ đồng tương đương tăng 2,52% so với 31/12/2022.

- Nợ phải trả (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2023 là 36.242,43 tỷ đồng, tăng 12.680,87 tỷ đồng, tương đương tăng 53,82% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nợ phải trả người bán ngắn hạn là 15.947,2 tỷ đồng, nợ phải trả các tổ chức tín dụng là 12.678,87 tỷ đồng. Nợ phải trả tăng tập trung ở khoản: Phải trả người bán ngắn hạn (tăng 8.600,8 đồng), phải trả ngắn hạn khác (tăng 300,5 tỷ đồng), nợ phải trả các tổ chức tín dụng (tăng 3.661,8 tỷ đồng), dự phòng phải trả (tăng 430,61 tỷ đồng); và giảm chủ yếu ở chi phí phải trả ngắn hạn (giảm 569,36 tỷ đồng).

+ Khoản phải trả người bán ngắn hạn (BCTC hợp nhất) đến thời điểm 31/12/2023 là 15.947,2 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm ngoái 8.600,8 tỷ đồng tương đương tăng 117%, trong đó khoản phải trả lớn nhất là tiền nhiên liệu (khí, than, dầu) là 14.463 tỷ đồng của các NMD Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1 phải trả PVN, PVGas, PVOil, TKV. Các khoản nợ này phát sinh do tiền than chưa đến hạn thanh toán, các khoản công nợ tiền điện tương ứng với tiền khí phải trả chưa được EPTC/EVN thanh toán đúng hạn và có một phần tiền điện chưa được EVN chấp nhận thanh toán do EVN không đồng ý thực hiện nguyên tắc phân bổ khí do HĐTV PVN ban hành. Hiện nay PVPower và PVN đang tích cực xử lý vấn đề này.

+ Chi phí phải trả ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 1.361,85 tỷ đồng. Chi phí phải trả giảm chủ yếu là do tiền khí phải trả theo các hợp đồng mua khí cho NMD Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 giảm 690,29 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do chưa nhận được hóa đơn.

+ Tổng nợ phải trả các TCTD tại thời điểm 31/12/2023 là 12.678,87 tỷ đồng, trong đó vay vốn lưu động ngắn hạn là 4.866,01 tỷ đồng, vay dài hạn là 7.812,86 tỷ đồng. Khoản vay ngắn hạn là các khoản vay vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng công ty là giá trị các khoản vay dài hạn để đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Hòa Na, Đăkđrinh, NMNĐ Vũng Áng 1, dự án Nhơn Trạch 3&4, dự án đầu tư mua trụ sở văn phòng TCT.

❖ **Hệ số bảo toàn vốn** : tại thời điểm 31/12/2023 là 1,03 lần. (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2023 là 34.119,43 tỷ đồng/Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2022 là 33.281,45 tỷ đồng). Cho thấy Tổng công ty PV Power bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

❖ **Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu** : thời điểm 31/12/2023 là 1,06 lần (không vượt quá 3 lần theo quy định).

❖ **Hệ số thanh toán** : Tại thời điểm 31/12/2023, hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả) là 1,94 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,08 lần. Hệ số thanh toán nhanh là 1,0 lần. Các hệ số phản ánh khả năng thanh toán đều giảm so với cùng kỳ năm 2022 nhưng vẫn duy trì mức ≥ 1 , thể hiện tình hình tài chính của Tổng công ty là lành mạnh, an toàn.

❖ **Tỷ suất lợi nhuận (BCTC hợp nhất)** : Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) là 4,53%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) là 3,81%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là 2,02%. Các chỉ số ROA, ROE đều giảm mạnh so với cùng kỳ 2022 do lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm mạnh so với cùng kỳ 2022.

6. Kiến nghị

Hội đồng quản trị PV Power tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ:

- Đối với công tác quản lý dòng tiền: Tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các khoản công nợ quá hạn nhằm tăng khả năng thanh toán, cân đối dòng tiền. Tiếp tục cập nhật, chủ động xây dựng các kịch bản đối phó với các rủi ro làm ảnh hưởng đến dòng tiền, đề ra các giải pháp tài chính cân đối dòng tiền hữu hiệu, phương án thu xếp vốn đảm bảo an toàn, tối ưu, cân đối đủ nhu cầu vốn cho các hoạt động đầu tư dự án, sản xuất kinh doanh.

- Đẩy nhanh tiến độ công tác thu xếp vốn, chuẩn bị kỹ bộ điều kiện giải ngân của các khoản vay cho dự án Nhơn Trạch 3&4 đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế, đảm bảo tính khả thi của các điều kiện giải ngân để tiến độ giải ngân phù hợp với tiến độ thanh toán với các nhà thầu

- Báo cáo các cấp có thẩm quyền các vướng mắc về Qc cho NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 2, tiếp tục làm việc với các bên có liên quan (PVN, Petronas đối với NMD Cà Mau 1&2, PVGas đối với NMD Nhơn Trạch 2) đàm phán về sản lượng khí bao tiêu các năm sau để đảm bảo nhận lại hết lượng khí trả trước đã phát sinh trong thời hạn quy định.

- Đối với trích trước chi phí sửa chữa lớn các NMD: Cần lưu ý việc trích trước có đầy đủ căn cứ pháp lý, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với mốc tiến độ sửa chữa định kỳ các NMD, đảm bảo giá trị trích trước có bằng chứng hợp lý, tin cậy và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

- Do thị trường tài chính có nhiều biến động, khi kết thúc năm tài chính, cần đánh giá lại mức độ tín nhiệm, năng lực tài chính của các TCTD một cách thận trọng để xem xét việc gửi tiền CKH, đảm bảo quản trị rủi ro ở mức tối đa.